TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HS-ST.
Ngày: 27-11-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Thái Vĩnh Lâm**.
+ Ông **Nguyễn Chí Thành**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Xem** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với:

- *Các bị cáo:*

1/ **Trần Tạ Khôi N** - Sinh năm: 1991.
+ Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre.
+ Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
+ Trình độ học vấn: Lớp 7/12.
+ Nghề nghiệp: Không.
+ Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không.
+ Con ông Trần Văn Y (đã chết), con bà Tạ Thị Mỹ H.
+ Tiền án: Không.
+ Tiền sự: Có hai tiền sự:
• Ngày 23/12/2018, bị xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 193/QĐ-UBND.

• Ngày 07/01/2019, bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn là ba tháng kể từ ngày 07/01/2019 theo Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số: 01/QĐ-UBND.

+ Về nhân thân: Ngày 18/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 12 (mười hai) tháng theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 03/QĐ-TA.

+ Bị cáo hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện Ma túy X.

+ Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Văn T** (M) - Sinh năm: 1965.

+ Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre.

+ Nơi cư trú: Ấp E, xã G, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ Trình độ học vấn: Lớp 7/12.

+ Nghề nghiệp: Không ổn định.

+ Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không.

+ Con ông Nguyễn Văn T (đã chết), con bà Tô Thị K (đã chết).

+ Có một người con sinh năm 1999.

+ Tiền án, tiền sự: Không.

+ Về nhân thân: Ngày 06/11/2009 bị Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn là 24 (hai mươi bốn) tháng theo Quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số: 1683/QĐ-UBND. Ngày 23/02/2011, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số: 232/QĐ-UBND về việc miễn chấp hành thời gian còn lại theo Quyết định số: 1683/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 đối với Nguyễn Văn T.

+ Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 30 ngày 05/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

+ Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông **Nguyễn Minh K** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị hại:*

+ Bà **Tài Thị N** - Sinh năm: 1963, trú tại: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Bà **Ngô Thị Bích L** - Sinh năm: 1973, trú tại: Ấp O, xã P, huyện H, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Bà **Dương Thị Ánh L** - Sinh năm: 1971, trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông **Ngô Văn K** - Sinh năm: 1966, trú tại: Ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Chị **Trần Thị Thu** - Sinh năm: 1990; trú tại: Ấp O, xã P, huyện H, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Anh **Tài Thanh D** - Sinh năm: 1997; trú tại: Khu phố V, thị trấn X, huyện H, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Anh **Liêu Minh K** - Sinh năm: 1976; trú tại: Ấp K, thị trấn X, huyện H, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Chị **Dương Thị Thu H** - Sinh năm: 1974, trú tại: Khu phố Q, thị trấn X, huyện H, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Bà **Tạ Thị Mỹ H** - Sinh năm: 1968, trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 18/3/2019, Trần Tạ Khôi N đến nhà của Liêu Minh K ở ấp K, thị trấn X, huyện H, tỉnh Bến Tre chơi. Tại đây, Trần Tạ Khôi N đã gặp Nguyễn Văn T và sau đó rủ T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Trần Tạ Khôi N mang theo một túi xách màu trắng (loại túi chứa thức ăn gia súc với khối lượng 5kg) bên trong chứa một cái búa, một cái kéo bằng kim loại, tay cầm có vỏ bọc nhựa màu đen, mũi kéo bị gãy và một con dao bằng kim loại dài 38cm. Nguyễn Văn T điều khiển xe gắn máy mang biển kiểm soát số 70-403RE (xe do T mượn của ông Ngô Văn K) chở Trần Tạ Khôi N và túi xách đến khu vực ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bến Tre thì thấy nhà của bà Tài Thị N đóng cửa, không có người trông coi nên N bảo T dừng xe lại, ở ngoài chờ còn N thì đi đến nhà bà Tài Thị N, thấy cửa nhà bị khóa nên đi đến cửa sau nhà, dùng kéo cạy khóa đột nhập vào bên trong nhà lục soát và chiếm đoạt của bà Tài Thị N một thùng bia mang nhãn hiệu Heineken, loại 24 (hai mươi bốn) lon, màu xanh trắng chưa qua sử dụng, một máy đo huyết áp, màn hình điện tử, nhãn hiệu Microlife, màu trắng, bao gồm túi hơi và cục sạc pin đã qua sử dụng, một cái kéo bằng kim loại, tay cầm có vỏ bọc nhựa màu đen đã qua sử dụng rồi ra ngoài gặp T. T điều khiển xe chở N đến nhà của chị Trần Thị T để N gửi thùng bia Heineken và mượn 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Sau đó, T tiếp tục chở Nguyên đến địa phận ấp O, xã P, huyện H, tỉnh Bến Tre để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực chợ U thì phát hiện nhà bà Ngô Thị Bích L không có người trông coi nên N kêu T dừng xe lại chờ. N đi đến nhà bà L dùng búa đập phá khóa cửa đột nhập vào bên trong nhà lấy một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Asama, màu sơn xanh - đen, bánh căm đã qua sử dụng, một cái điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu đen, đã qua sử dụng, một cái máy tính bảng hiệu Samsung, model Galyxy Tab4 SM- T231, màu trắng, đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình, mất nút Home, một pin dự phòng hiệu Xmobile, màu xám, đã qua sử dụng, một thẻ ATM và một thẻ tín dụng mang tên Ngô Thị Bích L. Sau khi lấy được các tài sản, N điều khiển chiếc xe đạp điện (chiếc xe chiếm đoạt của bà L) đến khu vực Miếu R thuộc ấp O, xã P, huyện H, tỉnh Bến Tre thì xe hết bình nên bỏ xe lại tại đây rồi đi bộ đến nơi T đang chờ. T chở N và tài sản trộm được về nhà trọ của Liêu Minh K. Tại đây, N chia cho T một cái máy tính bảng, cho Tài Thanh D một cái máy đo huyết áp và một pin dự phòng, giao cho D và nhờ D sửa chữa một cái điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu đen; số tài sản còn lại N để trong túi xách chung với một cái búa, một con dao mà N đã chuẩn bị từ trước và để tại nhà của Liêu Minh K. Sau đó vụ việc bị phát hiện và số tài sản, công cụ này bị thu giữ toàn bộ.

Qua khám nghiệm hiện trường, thu giữ tại nhà của bà Tài Thị N 08 (tám) dấu đường vân tay được ký hiệu từ số 1 (một) đến số 8 (tám), một khoen khóa làm bằng kim loại bị cạy bung, hở, một con dao làm bằng kim loại, cán gỗ, và một cây kéo làm bằng kim loại màu đen, cán bọc nhựa màu đen, mũi kéo bị gãy. Thu giữ tại nhà của bà Ngô Thị Bích L một ổ khóa bằng kim loại có kích thước 7,5cm x 04cm x 01cm.

Ngoài ra, vào khoảng 02 giờ ngày 20/10/2018, Trần Tạ Khôi N còn dùng kéo làm bằng kim loại cắt vách nhà (làm bằng tôn) của bà Dương Thị Ánh L, đột nhập vào bên trong nhà, dùng đèn pin soi, tìm kiếm và lấy 3.000.000đ (ba triệu đồng), một cái điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen, một chiếc nhẫn có trọng lượng hai chỉ vàng 18k có gắn hạt màu trắng và nhiều thẻ cào nạp điện thoại di động của các nhà mạng Viettel, MobiFone, VinaPhone, Viêtnamobile có nhiều mệnh giá khác nhau với tổng giá trị là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) rồi tẩu thoát ra bên ngoài. Trong lúc leo ra bên ngoài thì bị cáo làm rơi một cái đèn pin lại hiện trường. Sau khi chiếm đoạt được các tài sản của bà L, bị cáo lấy các thẻ cào nạp điện thoại để sử dụng và cho bạn bè quen biết qua mạng xã hội Facebook, số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) và tiền bán chiếc nhẫn vàng được 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) bị cáo dùng tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Đối với một cái điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen bị cáo đã đổi lấy ma túy để sử dụng. Các tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà L là không thu hồi lại được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐG ngày 05 tháng 4 năm 2019, Hội đồng định giá tài sản huyện H, tỉnh Bến Tre đã kết luận:

+ Một thùng bia mang nhãn hiệu Heineken, loại 24 (hai mươi bốn) lon 330ml, màu xanh trắng chưa qua sử dụng có giá trị là 380.000đ (ba trăm tám mươi ngàn đồng).

+ Một cái kéo bằng kim loại, tay cầm có vỏ bọc nhựa màu đen đã qua sử dụng có giá trị là 10.000đ (mười ngàn đồng).

+ Một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Asama, model A48, số seri sườn xe: AM150605889, số seri môtơ: 22AMK4A150002570, màu sơn xanh - đen, bánh căm đã qua sử dụng có giá trị là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Một cái điện thoại di động hiệu Xiaomi, model Redmi 5 Plus Black MEG7, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Một cái máy tính bảng hiệu Samsung, model Galyxy Tab4 SM- T231, màu trắng, đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình, mất nút Home có giá trị là 1.000.000đ (một triệu đồng).

+ Một pin dự phòng hiệu Xmobile, model LJ JP90S, dung lượng 10.000mAh/36Wh, màu xám, đã qua sử dụng có giá trị là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 27/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 6 năm 2019, Hội đồng định giá tài sản huyện H, tỉnh Bến Tre đã kết luận: Một máy đo huyết áp, màn hình điện tử, nhãn hiệu Microlife, màu trắng, kiểu máy A6 Basic, số serial: 040856, bao gồm túi hơi và cục sạc pin đã qua sử dụng có giá trị là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 93/KL-HĐĐG ngày 06/6/2019, Bản kết luận định giá tài sản số: 124/KL-HĐĐG ngày 19/8/2019, Công văn số 01 ngày 17/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre xác định:

+ Một cái điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen có giá trị là 250.000đ (hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Các thẻ cào nạp điện thoại di động có tổng mệnh giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng), mệnh giá ghi trên thẻ cào tương đương giá trị mệnh giá tiền Việt Nam đồng, tổng mệnh giá ghi trên thẻ cào nạp điện thoại tương đương 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

+ Một chiếc nhẫn có trọng lượng hai chỉ vàng 18k có giá trị là 5.053.000đ (năm triệu không trăm năm mươi ba ngàn đồng).

+ Một hạt nhựa màu trắng (giả hột xoàn) không có giá trị.

Tại Kết luận giám định số: 15/2019/GĐĐV ngày 10 tháng 4 năm 2019, Phòng A Công an tỉnh Bến Tre đã kết luận: Dấu vết đường vân thu tại hiện trườngký hiệu số (7) với điểm chỉ ngón "cái trái" và dấu vết đường vân ký hiệu số (8) với điểm chỉ ngón "giữa phải" trên chỉ bản mang tên Trần Tạ Khôi N là do cùng một người để lại.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 11 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Trần Tạ Khôi N, Nguyễn Văn T (M) về *"Tội trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như đã nêu trên. Bị hại là bà Dương Thị Ánh L, người làm chứng là bà Tạ Thị Mỹ H có mặt tại phiên tòa giữ nguyên lời khai như trong giai đoạn điều tra. Bị hại là bà Tài Thị N, bà Ngô Thị Bích L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Ngô Văn K, các người làm chứng là chị Trần Thị T, anh Tài Thanh D, chị Dương Thị Thu H, anh Liêu Minh K vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Trần Tạ Khôi N, Nguyễn Văn T (M) phạm *"Tội trộm cắp tài sản"*.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điều 17, 38, 58, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm b, h, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Tạ Khôi N từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điều 17, 58, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (M) từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

• Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã giao trả: Một thùng bia mang nhãn hiệu Heineken, loại 24 (hai mươi bốn) lon, màu xanh trắng, một máy đo huyết áp, màn hình điện tử, nhãn hiệu

Microlife, màu trắng, bao gồm túi hơi và cục sạc pin, và một cái kéo bằng kim loại, tay cầm có vỏ bọc nhựa màu đen cho bà Tài Thị N. Trả một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Asama, màu sơn xanh - đen, bánh căm, một cái điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu đen, một cái máy tính bảng hiệu Samsung, màu trắng, một pin dự phòng hiệu Xmobile, một thẻ ATM và một thẻ tín dụng mang tên Ngô Thị Bích L.

• Tịch thu tiêu hủy: Một túi xách màu trắng (loại túi chứa thức ăn gia súc 5kg), có chữ thức ăn hỗn hợp 222, một cái búa bằng kim loại dài 41cm, cán bằng gỗ dài 36cm, lưỡi bằng kim loại dài 14,7cm, rộng nhất 09cm, một cái kéo bằng kim loại dài 20cm, cán bọc nhựa màu đen, hai đầu kéo tà, một con dao bằng kim loại dài 38cm, cán dao tròn có đường kính là 3,5cm, một đèn pin màu trắng cam, bên trong có tám bóng đèn, một cái áo khoác màu đen, tay dài bên ngoài cổ áo có hiệu Sport, một cái áo sơ mi tay dài, màu vàng, một cái nón bảo hiểm màu tím bên ngoài có dòng chữ Vinaphone, một cái nón kết màu đỏ, một lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, cán bằng gỗ tròn dài 23cm có chu vi 12,5cm, một khoen khóa bằng kim loại bị bung hở, một ổ khóa bằng kim loại có kích thước 7,5cm x 04cm x 01cm.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận bị hại là bà Tài Thị N, bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự. Bị hại Dương Thị Ánh L yêu cầu bị cáo Trần Tạ Khôi N bồi thường số tiền là 15.303.000đ (mười lăm triệu ba trăm lẻ ba ngàn đồng) nhưng bị cáo N đã tác động để mẹ ruột của bị cáo là bà Tạ Thị Mỹ H đã bồi thường cho bà L 3.000.000đồng, buộc bị cáo N tiếp tục bồi thường cho bà L số tiền là 12.303.000đ (mười hai triệu ba trăm lẻ ba ngàn đồng).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Người bào chữa thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến đề nghị áp dụng đối với bị cáo T. Ngoài ra, người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về việc bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, bị cáo bị rủ rê phạm tội, đang mắc bệnh HIV, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái và rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại là bà Tài Thị N, bà Ngô Thị Bích L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Ngô Văn K, các người làm chứng là chị Trần Thị T, anh Tài Thanh D, chị Dương Thị Thu H, anh Liêu Minh K vắng mặt tại phiên tòa

nhưng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Các hoạt động tố tụng, quyết định tố tụng của Điều Tra Viên, Kiểm Sát Viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không bị khiếu nại và được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định được:

[3.1] Vào ngày 18/3/2019, Trần Tạ Khôi N và Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt của bà Tài Thị N một thùng bia mang nhãn hiệu Heineken, loại 24 (hai mươi bốn) lon, chưa qua sử dụng, một máy đo huyết áp, màn hình điện tử, bao gồm túi hơi và cục sạc pin đã qua sử dụng và một cái kéo bằng kim loại, tay cầm có vỏ bọc nhựa màu đen đã qua sử dụng có tổng giá trị là 1.890.000đ (một triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng); chiếm đoạt của bà Ngô Thị Bích L một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Asama, màu sơn xanh - đen, bánh căm đã qua sử dụng, một cái điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu đen, đã qua sử dụng, một cái máy tính bảng hiệu Samsung, màu trắng, đã qua sử dụng, một pin dự phòng hiệu Xmobile, đã qua sử dụng, một thẻ ATM và một thẻ tín dụng mang tên Ngô Thị Bích L có tổng giá trị là 7.300.000đ (bảy triệu ba trăm ngàn đồng). Như vậy tổng tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt trong ngày 18/3/2019 là 9.190.000đ (chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

[3.2] Ngoài ra, vào ngày 20/10/2018, bị cáo Trần Tạ Khôi N còn chiếm đoạt của bà Dương Thị Ánh L, số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng), một cái điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen, một chiếc nhẫn có trọng lượng hai chỉ vàng 18k có gắn hạt màu trắng và nhiều thẻ cào nạp điện thoại di động của các nhà mạng Viettel, MobiFone, VinaPhone, Viêtnamobile có nhiều mệnh giá khác nhau với tổng giá trị là 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Tổng giá trị tiền và các tài sản mà bị cáo Trần Tạ Khôi N đã chiếm đoạt của bà Dương Thị Ánh L là 15.303.000đ (mười lăm triệu ba trăm lẻ ba ngàn đồng).

[4] Hành vi của các bị cáo được thực hiện một cách lén lút với lỗi cố ý nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi này đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại và đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện.

[5] Trong việc chiếm đoạt tài sản của bà Tài Thị N và bà Ngô Thị Bích L thì bị cáo Trần Tạ Khôi N là người rủ bị cáo Nguyễn Văn T đi lấy trộm tài sản, nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công một cách cụ thể nên hành vi phạm tội của các bị cáo là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[6] Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác trong vụ án, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Từ đó cho thấy việc truy tố các bị cáo ra xét xử tại phiên toà sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trần Tạ Khôi N, Nguyễn Văn T (M) phạm *"Tội trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Trong lượng hình, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[7.1] Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần Tạ Khôi N ngoài việc cùng với bị cáo T lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Tài Thị N, bà Ngô Thị Bích L vào ngày 18/3/2019 thì trước đó bị cáo còn lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Dương Thị Ánh L vào ngày 20/10/2018 nên hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp *"phạm tội hai lần trở lên"* và đây chính là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7.2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà sơ thẩm, các bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn - Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng cho các bị cáo.

[7.3] Đối với bị cáo Trần Tạ Khôi N đã có sự tác động để mẹ ruột là bà Tạ Thị Mỹ H bồi thường cho bị hại là bà Dương Thị Ánh L số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng), đồng thời bị cáo cũng tự khai nhận ra hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Dương Thị Ánh L nên bị cáo được hưởng thêm hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, bị cáo Trần Tạ Khôi N có nhân thân không tốt, phạm tội nhiều lần nên cần thiết phải cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[7.4] Bị cáo Nguyễn Văn T, ngoài việc được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đã nêu trên thì đây là lần đầu tiên bị

cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Nguyễn Văn T có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn (thuộc diện hộ nghèo) nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục là cũng đủ để cải tạo, giáo dục được bị cáo.

[7.5] Đối với chị Trần Thị T không biết thùng bia bị cáo N gửi tại nhà mình là tài sản do phạm tội mà có và anh Tài Thanh D không biết tài sản được N cho và nhờ sửa chữa là tài sản do phạm tội mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Ghi nhận bị hại là bà Tài Thị N, bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự.

[8.2] Bị hại là bà Dương Thị Ánh L yêu cầu bị cáo Trần Tạ Khôi N bồi thường số tiền là 15.303.000đ (mười lăm triệu ba trăm lẻ ba ngàn đồng), yêu cầu này của bà L là phù hợp với quy định của pháp luật và bị cáo N đồng ý với yêu cầu của bà L. Trong quá trình điều tra, bị cáo N đã tác động để mẹ ruột của bị cáo là bà Tạ Thị Mỹ H bồi thường cho bà L 3.000.000đ (ba triệu đồng), như vậy bị cáo N còn phải tiếp tục bồi thường cho bà L số tiền là 12.303.000đ (mười hai triệu ba trăm lẻ ba ngàn đồng).

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát Điều Tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là phù với quy định của pháp luật.

[9.2] Một túi xách màu trắng (loại túi chứa thức ăn gia súc 5kg), có chữ thức ăn hỗn hợp 222, một cái búa bằng kim loại dài 41cm, cán bằng gỗ dài 36cm, lưỡi bằng kim loại dài 14,7cm, rộng nhất 09cm, một cái kéo bằng kim loại dài 20cm, cán bọc nhựa màu đen, hai đầu kéo tà, một con dao bằng kim loại dài 38cm, cán dao tròn có đường kính là 3,5cm, một đèn pin màu trắng cam, bên trong có tám bóng đèn. Đây là các công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[9.3] Một cái áo khoác màu đen, tay dài bên ngoài cổ áo có hiệu Sport là của bị cáo N. Một cái áo sơ mi tay dài, màu vàng, một cái nón bảo hiểm màu tím bên ngoài có dòng chữ Vinaphone, một cái nón kết màu đỏ là của bị cáo T. Các bị cáo không nhận lại và đây là tài sản không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[9.4] Một ổ khóa bằng kim loại có kích thước 7,5cm x 04cm x 01cm là của bà Ngô Thị Bích L. Một khoen khóa bằng kim loại bị bung hở là của bà Tài Thị N. Bà L, bà Nkhông nhận lại và đây là tài sản không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[9.5] Một lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, cán bằng gỗ tròn dài 23cm có chu vi 12,5cm là của bà Tài Thị N. Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/8/2019 (bút lục số 467 đến bút lục số 469) bà N có yêu cầu nhận lại nên giao trả con dao này lại cho bà N.

[9.6] Một chiếc xe gắn máy mang biển kiểm soát số 70-403RE chưa xác định rõ chủ sở hữu nên giao cho Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiếp tục tạm giữ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Tạ Khôi N phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Tạ Khôi N và bị hại là bà Dương Thị Ánh L đã thỏa thuận đước với nhau về việc bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Trần Tạ Khôi N, Nguyễn Văn T phạm *"Tội trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Tạ Khôi N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (M) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T (M) cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

[2.1] Ghi nhận việc bà Tài Thị N, bà Ngô Thị Bích L không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự.

[2.2] Ghi nhận việc bà Dương Thị Ánh L đã nhận số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) mà mẹ ruột của bị cáo Trần Tạ Khôi N là bà Tạ Thị Mỹ H đã bồi thường thay cho bị cáo. Buộc bị cáo Trần Tạ Khôi N phải tiếp tục bồi thường cho bà Dương Thị Ánh L số tiền còn lại là 12.303.000đ (mười hai triệu ba trăm lẻ ba ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

[3.1] Tịch thu tiêu hủy: Một túi xách màu trắng (loại túi chứa thức ăn gia súc 5kg), có chữ thức ăn hỗn hợp 222, một cái búa bằng kim loại dài 41cm, cán bằng gỗ dài 36cm, lưỡi bằng kim loại dài 14,7cm, rộng nhất 09cm, một cái kéo bằng kim loại dài 20cm, cán bọc nhựa màu đen, hai đầu kéo tà, một con dao bằng kim loại dài 38cm, cán dao tròn có đường kính là 3,5cm, một đèn pin màu trắng cam, bên trong có tám bóng đèn, một cái áo khoác màu đen, tay dài bên ngoài cổ áo có hiệu Sport, một cái áo sơ mi tay dài, màu vàng, một cái nón bảo hiểm màu tím bên ngoài có dòng chữ Vinaphone, một cái nón kết màu đỏ, một khoen khóa bằng kim loại bị bung hở, một ổ khóa bằng kim loại có kích thước 7,5cm x 04cm x 01cm.

[3.2] Trả lại cho bà Tài Thị N một lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, cán bằng gỗ tròn dài 23cm có chu vi 12,5cm.

Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ghi ngày 25/11/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều Tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bến Tre.

[3.3] Giao cho Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tạm giữ và xử lý theo quy định của pháp luật đối với một chiếc xe gắn máy mang biển kiểm soát số 70-403RE.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điều 12, 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Tạ khôi N phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T (M) được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ vào các điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại (bà Dương Thị Ánh L) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại (bà Tài Thị N, bà Ngô Thị Bích L), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Ngô Văn K) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[6] Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã G, huyện H;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỏ Cày Nam;
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (P.HSNV);
- Cơ quan T.H.A.D.S huyện H;
- Cơ sở Cai nghiện ma túy X;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp V;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, T.H.A.H.S, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên